

Bản án số: 07/2020/HS-ST
Ngày 10/3/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đại Lâm;

Bà Phùng Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thuận- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H tham gia phiên tòa: Ông Nông Xuân Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 10/3/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2019/TLST-HS ngày 20/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS ngày 14/02/2020 đối với bị cáo:

Thò Mí C sinh năm 1998, tại huyện M, tỉnh H. Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện M, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thò Nhè T sinh năm 1977 và bà Sùng Thị C1 sinh năm 1978; vợ: Chưa có; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền sự: Không; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 41/2019/HSST ngày 02/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh H xử phạt bị cáo 24 năm tù về tội Mua bán người và Mua bán người dưới 16 tuổi; tại bản án số 43/2019/HSST ngày 18/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh H xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội Mua bán người. Ngày 29/11/2019 Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh H ban hành Quyết định số 202/2019/QĐ-CA, tổng hợp hình phạt của bản án số 41/2019/HSST ngày 02/10/2019 với bản án số 43/2019/HSST ngày 18/10/2019, buộc bị cáo Thò Mí C phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2018; bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an, tỉnh H; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Trợ giúp viên Pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà Nước tỉnh H; có mặt.

- Bị hại: Chị Sùng Thị M sinh ngày 07/9/2001; địa chỉ: Thôn N, xã N1, huyện M, tỉnh H; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Bà Nguyễn Thị Hiền
– Trợ giúp viên Pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà Nước tỉnh H; có mặt.

Người làm chứng:

1. Chị Lầu Thị M1; có mặt.
2. Anh Sùng Chú D; có mặt.

Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Giàng Xuân Hồ. Địa chỉ: Phường Nguyễn Trãi, TP. H1, tỉnh H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thò Mí C, sinh sống gần khu vực biên giới (*Việt Nam-Trung Quốc*), nên đã thường xuyên vượt biên sang Trung Quốc làm thuê và quen biết một người đàn ông Trung Quốc tên là C1 (*không rõ họ, tuổi, địa chỉ*). Qua nhiều lần gặp nhau tại Trung Quốc, C1 có nói chuyện với C là: “*nếu có con gái thì đưa sang cho C1 đưa đi bán lấy tiền*”, C đồng ý rồi 02 người cho nhau số điện thoại để liên lạc.

Đến khoảng tháng 5/2018 (*không nhớ ngày*), Thò Mí C dùng điện thoại của mình bấm số ngẫu nhiên gọi xem có ai nghe máy thì nói chuyện, thì tình cờ gọi vào đúng số điện thoại của Sùng Thị M, sinh ngày 07/9/2001, trú tại Thôn N, xã N1, huyện M, tỉnh H, sau đó C trò chuyện làm quen và nói dối tên với M là “Pó” nhà ở huyện Y, tỉnh H. Khi quen biết nhau trên điện thoại Thò Mí C thường xuyên gọi điện thoại cho M, để tán tỉnh ngỏ lời yêu M muốn lấy về làm vợ. Khoảng tháng 6/2018 Thò Mí C gọi điện thì biết Sùng Thị M và Lầu Thị M1, sinh năm 2001 trú tại thôn Đ, xã N, huyện M, tỉnh H đang đi chợ, xã S, huyện M, tỉnh H, thì C đã chủ động rủ Giàng Mí S, sinh năm 2000 trú tại thôn L, xã C, huyện M, tỉnh H đi xe máy đến gặp Sùng Thị M cùng Lầu Thị M1, khi gặp nhau C và Sính rủ Sùng Thị M và Lầu Thị M1 lên xe máy để giúp đưa về nhà, nhưng Sùng Thị M không đồng ý nên C, Sính lại đi xe máy quay về nhà.

Đến ngày 05/7/2018 khoảng 10 giờ Thò Mí C gọi điện cho Sùng Thị M và hẹn gặp tại đường mòn liên xã thuộc thôn Khuổi Luông, xã N, huyện M, tỉnh H, M đồng ý. Sau đó C một mình đi xe máy đến điểm hẹn thì đã thấy M đến trước đợi, khi gặp nhau 02 người trò chuyện C nói: “*yêu M muốn lấy M làm vợ*” và rủ M về nhà C chơi để ra mắt bố mẹ, M đồng ý. Khoảng 12 giờ cùng ngày C điều khiển xe máy chở M từ thôn K, xã N qua xã N1, huyện M và xã L, huyện theo đường tỉnh lộ 182 xuống đến ngã ba xã V, huyện Y, tỉnh H, thì rẽ đi theo đường Quốc lộ 4C, đến thôn T, xã V, huyện Y thì C dừng xe ở ven đường, và đi bộ cách M một đoạn, gọi điện báo cho C1 người Trung Quốc biết là: “*có con gái để bán đấy..*”, C1 dặn là phải đưa sang địa phận Trấn Điện Bồng, huyện Phú Ninh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, để giao cho C1 đưa đi bán, khi nào bán được sẽ trả tiền C sau. Sau đó C quay lại chỗ M chờ và nói dối là: “*có anh trai đi làm thuê bên Trung Quốc gửi tiền về*”. C rủ M cùng lên biên giới lấy tiền, M tưởng thật nên đồng ý rồi

cùng C tiếp tục đi theo đường Quốc lộ 4C qua thị trấn Đ sang huyện M, tỉnh H. Đến mốc 450 thuộc thôn M, xã T, huyện M, tỉnh H, thì C để xe máy bên cạnh đường (*cách Mốc 450 khoảng 150m*), lúc đó khoảng 20 giờ cùng ngày, rồi C dẫn M đi bộ qua mốc 450 đến trấn Điền Bông, huyện Phú Ninh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, thì đã thấy xe ô tô của C1 đứng chờ. Sau đó C và M cùng lên xe ô tô của C1, C1 đưa C và M đi sâu vào trong nội địa bên Trung Quốc, C cũng không xác định được địa danh ở đâu...và ngủ tại nhà của C1. Đến khoảng 05 giờ ngày 06/7/2018 C ngủ dậy đi thẳng đến đường biên giới (*Việt Nam-Trung Quốc*) lấy xe máy về nhà ở Việt Nam, bỏ Sùng Thị M ở nhà của C1. Lúc M ngủ dậy không thấy C đâu, M có hỏi C1, thì C1 nói: "*mày không biết à, mày bị C đưa sang đây bán cho tao rồi*", lúc này M khóc đòi về thì bị C1 dọa đánh và nhốt vào phòng. Đến ngày 14/7/2018, C1 bán Sùng Thị M cho một người đàn ông Trung Quốc tại tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc mua về làm vợ. Đến ngày 28/6/2019, Sùng Thị M được Công an Trung Quốc giải cứu và trao trả về Việt Nam, sau đó đến Cơ quan điều tra tố cáo toàn bộ nội dung hành vi phạm tội của Thò Mí C. Còn Thò Mí C chưa kịp lấy tiền bán Sùng Thị M với người Trung Quốc tên C1, thì đã bị Công an huyện Đ, tỉnh H bắt ngày 10/8/2018 và khởi tố điều tra về các vụ án: Mua bán người, xảy ra ngày 19/6/2018, tại xã V, huyện Đ, tỉnh H và Mua bán người dưới 16 tuổi, xảy ra ngày 23/7/2018, tại xã Tả Lũng, huyện Đ, tỉnh H.

Tại Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 19/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H truy tố bị cáo Thò Mí C về tội: "Mua bán người" theo điểm d khoản 2 Điều 150 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H đã phân tích đánh giá chứng cứ và những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Thò Mí C phạm tội Mua bán người.
- Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của BLHS. Xử phạt bị cáo Thò Mí C từ 08 đến 09 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 30 năm tù tại quyết định số 202/2019/QĐ-CA ngày 29/11/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh H, buộc bị cáo Thò Mí C phải chấp hành hình phạt 30 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2018.
- Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 585 và Điều 592 BLDS, buộc bị cáo Thò Mí C phải bồi thường cho bị hại Sùng Thị M số tiền 15.000.000 đồng.
- Về án phí: Căn cứ Điều 136 của BLTTHS; Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Thò Mí C.

Bị cáo trình bày: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Về tội danh và hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đã căn cứ vào hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án từ 08 đến 09 năm tù, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án 08 năm tù; về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường thiệt

hại theo quy định tại Điều 592 của BLDS; về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Bị hại trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án 07 năm tù và buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Căn cứ vào các tình tiết của vụ án, ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bị hại tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa có mặt những người được Tòa án triệu tập, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự thủ tục, không có khiếu nại, tố cáo và điều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Thò Mí C thừa nhận hành vi phạm tội như truy tố của Viện kiểm sát trong bản cáo trạng. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác như: Biên bản nhận dạng, biên bản xác định hiện trường, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Vì mục đích vụ lợi, lợi dụng trình độ nhận thức hạn chế của bị hại, ngày 05/7/2018 bị cáo Thò Mí C đã lừa đưa bị hại Sùng Thị M sang Trung Quốc bán cho người đàn ông có tên là C1 (*không rõ lai lịch*), nhưng bị cáo không thỏa thuận giá cả và chưa nhận được tiền. Đến ngày 28/6/2019 bị hại Sùng Thị M được Công an Trung quốc trao trả cho Công an huyện Đ, tỉnh H.

[4] Bị cáo Thò Mí C là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì mục đích vụ lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đưa bị hại Sùng Thị M sang Trung Quốc để bán cho người Trung Quốc. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: " Mua bán người" được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 của BLHS.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Thò Mí C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[7] Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương gây hoang mang cho nhân

dân tại địa phương, vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cần xử lý bị cáo với mức án nghiêm khắc có như vậy mới đủ thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[8] Bị cáo Thò Mí C đang phải chấp hành hình phạt 30 năm tù theo quyết định tổng hợp hình phạt số 202/2019/QĐ-CA ngày 29/11/2019 Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh H, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của BLHS để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra vụ án, bị hại đề nghị bị cáo phải bồi thường 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 15.000.000 đồng, bị cáo cho rằng số tiền quá cao đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Tuy nhiên khi tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng.

[10] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin miễn án phí của bị cáo.

[11] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Thò Mí C phạm tội: " Mua bán người".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Thò Mí C 10 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 30 năm tù tại quyết định số 202/2019/QĐ-CA ngày 29/11/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh H, buộc bị cáo Thò Mí C phải chấp hành hình phạt 30 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS; các Điều 585 và Điều 592 của BLDS, buộc bị cáo Thò Mí C phải bồi thường cho bị hại Sùng Thị M số tiền 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Thò Mí C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND Tối cao;
- VKSND tỉnh H;
- PC44; PC45; PV06 Công an tỉnh;
- Trại tạm giam;
- Sở tư pháp;
- Cục THA;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Văn Hùng